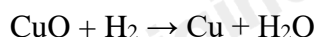


ĐỀ THI HỌC KÌ I – Đề số 2**Môn: Hóa học - Lớp 10****Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Mục tiêu**

- Ôn tập lý thuyết toàn bộ học kì II của chương trình sách giáo khoa Hóa 10 – Kết nối tri thức.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Hóa học.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dần trải tất cả các chương của học kì II – chương trình Hóa 10.

Phần trắc nghiệm (7 điểm)**Câu 1.** Trong phản ứng oxi hóa – khử, chất khử là chất

- A. nhường electron.
- B. nhận electron.
- C. nhận proton.
- D. nhường proton.

Câu 2. Dẫn khí H₂ đi qua ống sứ đựng bột CuO nung nóng để thực hiện phản ứng hóa học sau:

Trong phản ứng trên, chất đóng vai trò chất khử là

- A. CuO
- B. Cu
- C. H₂
- D. H₂O

Câu 3. Thuốc tím chứa ion permanganate (MnO₄⁻) có tính oxi hóa mạnh, được dùng để sát trùng, diệt khuẩn trong y học, đời sống và nuôi trồng thủy sản. Số oxi hóa của manganse trong ion permanganate là

- A. +2
- B. +3
- C. +7
- D. +6

Câu 4. Khi tham gia phản ứng đốt cháy nhiên liệu, oxygen đóng vai trò là

- A. chất khử.
- B. acid.
- C. chất oxi hóa.
- D. base.

Câu 5. Chlorine vừa đóng vai trò chất oxi hóa, vừa đóng vai trò chất khử trong phản ứng nào sau đây?

- A. $2\text{Na} + \text{Cl}_2 \rightarrow 2\text{NaCl}$.
- B. $\text{H}_2 + \text{Cl}_2 \rightarrow 2\text{HCl}$.
- C. $2\text{FeCl}_2 + \text{Cl}_2 \rightarrow 2\text{FeCl}_3$.
- D. $2\text{NaOH} + \text{Cl}_2 \rightarrow \text{NaCl} + \text{NaClO} + \text{H}_2\text{O}$.

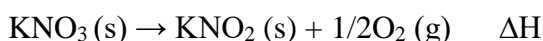
Câu 6. Nguyên tử carbon vừa có khả năng thể hiện tính oxi hóa, vừa có khả năng thể hiện tính khử trong chất nào sau đây?

- A. C.
- B. CO_2 .
- C. CaCO_3 .
- D. CH_4 .

Câu 7. Cho các phân tử sau: H_2S , SO_3 , CaSO_4 , Na_2S , H_2SO_4 . Số oxi hóa của nguyên tử S trong các phân tử trên lần lượt là

- A. 0, +6, +4, +4, +6.
- B. 0, +6, +4, +2, +6.
- C. +2, +6, +6, -2, +6.
- D. -2, +6, +6, -2, +6.

Câu 8. Nung KNO_3 lên 550°C xảy ra phản ứng:



Phản ứng nhiệt phân KNO_3 là

- A. tỏa nhiệt, có $\Delta H < 0$.
- B. thu nhiệt, có $\Delta H > 0$.
- C. tỏa nhiệt, $\Delta H > 0$.
- D. thu nhiệt, có $\Delta H < 0$.

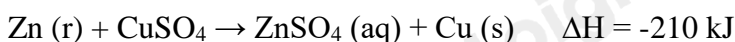
Câu 9. Phản ứng nào sau đây là phản ứng tỏa nhiệt?

- A. Phản ứng nhiệt phân muối KNO_3 .
- B. Phản ứng phân hủy khí NH_3 .
- C. Phản ứng oxi hóa glucose trong cơ thể.
- D. Phản ứng hòa tan NH_4Cl trong nước.

Câu 10. Phát biểu nào sau đây không đúng?

- A. Các phản ứng phân hủy thường là phản ứng thu nhiệt.
- B. Phản ứng càng tỏa ra nhiều nhiệt càng dễ tự xảy ra.
- C. Phản ứng oxi hóa chất béo cung cấp nhiệt cho cơ thể.
- D. Các phản ứng khi đun nóng đều dễ xảy ra hơn.

Câu 11. Cho phương trình phản ứng



và các phát biểu sau:

- (1) Zn bị oxi hóa.
- (2) Phản ứng trên tỏa nhiệt.
- (3) Biến thiên enthalpy của phản ứng tạo thành 3,84 gam Cu là +12,6 kJ.
- (4) Trong quá trình phản ứng, nhiệt độ hỗn hợp tăng lên.

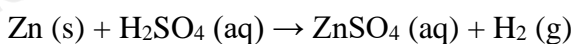
Các phát biểu đúng là

- A. (1) và (3).
- B. (2) và (4).
- C. (1) (2) và (4).
- D. (1) (3) và (4)

Câu 12. Phát biểu nào sau đây đúng về xúc tác?

- A. Xúc tác giúp làm tăng năng lượng hoạt hóa của phản ứng.
- B. Khối lượng xúc tác không thay đổi sau phản ứng.
- C. Xúc tác không tương tác với các chất tạo thành hợp chất bền.
- D. Xúc tác kết hợp với sản phẩm phản ứng tạo thành hợp chất bền.

Câu 13. Cho phản ứng hóa học sau:



Yếu tố nào sau đây không ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng?

- A. Diện tích bề mặt zinc.
- B. Nồng độ dung dịch sulfuric acid.
- C. Thể tích dung dịch sulfuric acid.
- D. Nhiệt độ của dung dịch sulfuric acid.

Câu 14. Cách nào sau đây làm củ khoai tây chín nhanh nhất?

- A. Luộc trong nước sôi.
- B. Hấp cách thủy trong nồi cơm.
- C. Nướng ở 180°C.
- D. Hấp trên nồi hơi.

Câu 15. Cho phản ứng hóa học sau: $\text{C (s)} + \text{O}_2 \text{ (g)} \rightarrow \text{CO}_2 \text{ (g)}$

Yếu tố nào sau đây không ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng trên?

- A. Nhiệt độ.
- B. Áp suất O_2 .
- C. Hàm lượng carbon.
- D. Diện tích bề mặt carbon.

Câu 16. Yếu tố nào sau đây không ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng?

- A. áp suất.
- B. diện tích tiếp xúc.
- C. khối lượng riêng.

D. chất xúc tác.

Câu 17. Số electron ở lớp ngoài cùng của mỗi nguyên tử nguyên tố halogen là

- A. 5
- B. 7
- C. 2
- D. 8

Câu 18. Tính chất hóa học đặc trưng của đơn chất halogen là

- A. tính khử.
- B. tính base.
- C. tính acid.
- D. tính oxi hóa.

Câu 19. Ở điều kiện thường, halogen tồn tại ở thể rắn, có màu đen tím là

- A. F_2 .
- B. Br_2
- C. I_2
- D. Cl_2

Câu 20. Muối nào có nhiều nhất trong nước biển với nồng độ khoảng 3%?

- A. NaCl.
- B. KCl.
- C. $MgCl_2$.
- D. NaF.

Câu 21. Khi tác dụng với kim loại, các nguyên tử halogen thể hiện xu hướng nào sau đây?

- A. Nhường 1 electron.
- B. Nhận 1 electron.
- C. Nhường 7 electron.
- D. Góp chung 1 electron.

Câu 22. Trong các đơn chất halogen, từ F_2 đến I_2 , nhiệt độ sôi biến đổi như thế nào?

- A. Giảm dần.
- B. Tuần hoàn.
- C. Không đổi.
- D. Tăng dần.

Câu 23. Cho khí Cl_2 tác dụng với dung dịch KOH, đun nóng, thu được dung dịch chứa muối KCl và muối nào sau đây?

- A. KClO.
- B. $KClO_3$.
- C. $KClO_4$.

D. KClO_2 .

Câu 24. Trong dãy hydrohalic acid, từ HF đến HI, tính acid tăng dần do nguyên nhân chính là

A. tương tác van der Waals tăng dần.

B. độ phân cực liên kết giảm dần.

C. phân tử khối tăng dần.

D. độ bền liên kết giảm dần.

Câu 25. Hòa tan hoàn toàn 20 gam hỗn hợp Mg và Fe bằng dung dịch HCl dư. Sau phản ứng thu được 11,2 lít khí (đktc) và dung dịch X. Cô cạn dung dịch X thì thu được bao nhiêu gam muối khan?

A. 71 gam.

B. 90 gam.

C. 55,5 gam.

D. 91 gam.

Câu 26. Cho 26,1 gam MnO_2 tác dụng với dung dịch HCl dư thu được 6,048 lít Cl_2 (đktc). Tính hiệu suất của phản ứng.

A. 80%

B. 90%

C. 100%

D. 95%

Câu 27. Cho 2,24 lít khí HCl (đktc) vào 100 ml dung dịch NaOH 1,2M. Dung dịch sau phản ứng có môi trường

A. acid.

B. base.

C. trung tính.

D. lưỡng tính.

Câu 28. Br_2 bị lẫn tạp chất là Cl_2 . Cách nào sau đây có thể thu được Br_2 tinh khiết?

A. Dẫn hỗn hợp khí đi qua dung dịch NaOH.

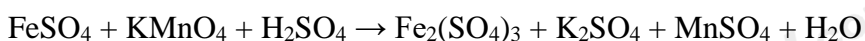
B. Dẫn hỗn hợp khí đi qua dung dịch nước.

C. Dẫn hỗn hợp khí đi qua dung dịch NaBr.

D. Dẫn hỗn hợp khí đi qua dung dịch NaI.

Phần tự luận (3 điểm)

Câu 1. Hàm lượng iron(II) sulfate được xác định qua phản ứng oxi hóa – khử với potassium permanganate:



a, Lập phương trình hóa học của phản ứng theo phương pháp thăng bằng electron. Chỉ rõ chất oxi hóa, chất khử.

b, Thể tích dung dịch KMnO_4 0,02M để phản ứng vừa đủ với 20 ml dung dịch FeSO_4 0,1M.

Câu 2. Cho phản ứng sau: $CH \equiv CH (g) + H_2 (g) \rightarrow CH_3-CH_3 (g)$

Năng lượng liên kết (kJ.mol^{-1}) của H-H là 436, của C-C là 347, của C-H là 414 và của $C \equiv C$ là 839. Tính nhiệt (ΔH) của phản ứng và cho biết phản ứng thu hay tỏa nhiệt.

Câu 3. Trong công nghiệp, nước Javel được sản xuất bằng phương pháp điện phân dung dịch NaCl không sử dụng màng ngăn điện cực. Khi đó, Cl_2 và NaOH tạo thành sẽ tiếp tục phản ứng với nhau.

Viết PTHH của các phản ứng xảy ra khi sản xuất nước Javen. Xác định vai trò của NaCl và Cl_2 trong mỗi phản ứng

----- Hết -----